

Bản án số:82/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 12 - 2017
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân :

Ông Bùi Quốc Huy

Bà Đinh Thị Tin

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 28/12/2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 348/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1984

Địa chỉ : Khu L, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Chị Trương Thị T, sinh năm 1992.

Địa chỉ : Khu B, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 9 năm 2017 và quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh và chị Trương Thị T kết hôn với nhau vào ngày 25 tháng 11 năm 2015, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Hải Dương, trước lúc kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu theo anh H là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, tính cách không hợp, nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi nhau. Tháng 5/2017, chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, mọi quan hệ vợ chồng hoàn toàn bị cắt đứt từ đó. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng thực sự

không còn, mâu thuẫn giữa đôi bên không thể hàn gắn được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T để giải phóng cho cuộc sống của anh.

- Về con chung: Không có.
- Về chia tài sản: Không có gì, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trương Thị T trình bày: Chị kết hôn cùng anh Nguyễn Văn H vào ngày 25 tháng 11 năm 2015, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Hải Dương, trước lúc kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu.

Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận được hai tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu theo chị T là do anh H ghen tuông vô lối, nên đã nảy sinh việc đánh đập chị. Chị bỏ về nhà ngoại ở một tuần, anh H có đến tìm đón chị về đoàn tụ, song bản chất không thay đổi, tiếp tục đánh đập chị. Tính cách, quan điểm sống bất đồng, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên chị lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 5/2017 cho đến nay. Nay anh H xin ly hôn, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị không muốn hòa giải, hàn gắn với anh H nên chị không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, chị nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc ly hôn với anh H vắng mặt chị.

- Về con chung: Không có.
- Về chia tài sản: Không có gì, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 16/11/2017 Ủy ban nhân dân thị trấn K cung cấp: Anh H và chị T kết hôn với nhau vào ngày 25/11/2015, được đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn K. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Khu B, thị trấn P ở. Nay anh H đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, thì địa phương đề nghị xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Không có. Về chia tài sản: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, anh Hải giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn. Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không có ý kiến đề nghị gì thêm.

Đại diện VKSND huyện Kinh Môn phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với Nguyên đơn đã chấp hành đúng, riêng Bị đơn đã không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết, đề nghị: áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Trương Thị T. Về con chung: Không có; Về chia tài sản: Không có, đôi bên không yêu cầu giải quyết; Về án phí: Anh H phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của anh Nguyễn Văn H đối với chị Trương Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương. Chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hôn nhân gia đình là đúng thẩm quyền, áp dụng khoản 2 Điều 277 của BLTTDS xét xét xử vắng mặt chị Trương Thị T là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H kết hôn với chị Trương Thị T trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân gây mâu thuẫn dẫn tới việc anh H đề nghị xin ly hôn chị T, chủ yếu là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, đôi bên không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Tháng 5/2017 chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, mọi quan hệ vợ chồng hoàn toàn bị cắt đứt từ đó. Quá trình Tòa án tiến hành hòa giải, chị T đều vắng mặt, không có ý thức hàn gắn đoàn tụ cùng anh H. Tại phiên tòa anh H giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn. Những điều chứng tỏ, quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị T đã ở vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không thành, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Trương Thị T là phù hợp.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về chia tài sản: Không có, đôi bên không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì anh H phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Trương Thị T.
2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0001263 ngày 04/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn. Anh H đã nộp đủ.
3. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trương Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kinh Môn;
- Chi cục THADS huyện Kinh Môn;
- UBND thị trấn Kinh Môn;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hiền

